TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01685

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Toán bản đồ (209111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09151031	TRẦN VĂN	CHINH	DH09DC	2	Chinh	8		8,5	8,5	8	5
2	09151004	DƯƠNG TẤN	ĐẠT	DH09DC	2	Đạt	8		8,0	8,0	8	0
3	09151005	TỐNG VIẾT	ĐẠT	DH09DC	2	Đạt	8		8,2	8,2	8	2
4	10151078	HOÀNG MINH	ĐẮC	DH10DC	2	Đắk	10		7,8	8,0	8	0
5	09151041	NGUYỄN THU	HIỀN	DH09DC	3	Hiền	8		10	9,8	9	8
6	09151008	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH09DC	2		8		7,6	7,6	7	6
7	11151054	NGUYỄN THỊ	HÒA	DH11DC	3	Hoa	9		10	9,9	9	9
8	11151002	PHẠM QUANG	HOÀNG	DH11DC	2	Hoàng	8		8,4	8,4	8	4
9	11151079	TĂNG MỸ	HOÀNG	DH11DC	3	Hoàng	9		10	9,9	9	9
10	11151032	NGUYỄN	HUY	DH11DC	2	Huy	8		8,6	8,5	8	5
11	09151009	NGUYỄN KỲ	HƯNG	DH09DC	1	Hưng	8		7,5	7,6	7	6
12	11151062	PHAN HOÀNG	KHÁNH	DH11DC							0	0
13	11151021	PHAN THÀNH	LONG	DH11DC	1		8		6,2	6,4	6	4
14	11151013	NGUYỄN ĐỨC	LỢI	DH11DC	2		8		8,0	8,0	8	0
15	11151067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH11DC	3		8		9,0	8,9	8	9
16	11151019	LÊ MỸ	NGỌC	DH11DC	3	Ngọc	9		10	9,9	9	9
17	11151037	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	DH11DC	3		8		10	9,8	9	8
18	11151045	LÊ HOÀNG	PHÚC	DH11DC	2		8		9,3	9,2	9	2

Số bài: 30 ; Số tờ: 03

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Dương T. Hương Giang
Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 01685

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Toán bản đồ (209111) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10151066	GIANG MINH	PHỤNG	DH10DC	2		10		9,5	9,6	9	6
20	09151055	TRỊNH THANH	QUÂN	DH09DC	1		1		6,8	6,2	6	2
21	11151041	NGUYỄN ĐÌNH	SEN	DH11DC	2		8		9,0	8,9	8	9
22	11151060	CHÂU MINH	SƠN	DH11DC	2		8		9,3	9,2	9	2
23	11151015	NGUYỄN THỊ	THANH	DH11DC	2		8		9,4	9,2	9	2
24	11151076	TRẦN THỊ THANH	THOA	DH11DC	3		8		9,0	8,9	8	9
25	10151072	HUỲNH THỤY DIỄM	THÚY	DH10DC	2		1		8,8	8,0	8	0
26	09151021	VÕ THỊ THÙY	TRANG	DH09DC	2		8		8,0	8,0	8	0
27	11151009	HỒ VĂN	TRỌNG	DH11DC	1		8		7,3	7,4	7	4
28	11151043	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH11DC	2		8		8,4	8,4	8	4
29	09151063	LÊ HỮU THIÊN	TỨ	DH09DC	1		1		5,0	4,6	4	6
30	11151018	TRẦN THỊ KIM	VÂN	DH11DC	2		10		7,5	7,8	7	8
31	11151011	NGUYỄN MINH	VIỆT	DH11DC	3		8		8,5	8,5	8	5

Số bài: 36 ; Số tờ: 63

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Dương T. Hường Giang
Ng Ngọc Mỹ Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ths. Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm